TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 3632 /QĐ-KHTN, ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

1. THÔNG TIN VỀ NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành tiếng Việt: **Hóa hữu cơ**
- Tên ngành tiếng Anh: Organic Chemistry
- Mã số ngành: 8440114
- Tên chuyên ngành tiếng Việt: **Giảng dạy hóa học thực nghiệm**
- Tên chuyên ngành tiếng Anh: Speciality of Teaching in Experimental Chemistry
- Mã số chuyên ngành: 844011401
- Thời gian đào tạo: thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa là 24 tháng (2 năm)
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ chuyên ngành Giảng dạy Hóa học thực nghiệm

2. Loại chương trình đào tạo và Phương thức đào tạo

Chương trình ứng dụng: đào tạo theo Phương thức 3 (viết tắt PT3), học viên phải học các môn học của chương trình đào tạo; thực hiện thực tập và đồ án tốt nghiệp.

3. Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra (ngoại ngữ tốt nghiệp)

- Học viên đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho người Việt Nam (tương đương trình độ B2 theo CEFR).

- Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được áp dụng để xét chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra trình độ thạc sĩ được quy định tại phụ lục 3 công văn số 1617/KHTN-SĐH, ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo thạc sĩ khóa 35/2025

4. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Loại chương trình	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ			
		Kiến thức chung	Kiến thức cơ sở và CN		Đồ án
		(triết học)	Bắt buộc	Tự chọn	
Phương thức 3	60	3	27	22	8

5. Khung chương trình đào tạo

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH,TN,TL
A		**Phần kiến thức chung**	**3**	**3**	**0**
1.	MTR	Triết học	3	3	0
2.	MNN	Ngoại ngữ			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH,TN,TL
B		**Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành**			
B.1		***Môn học bắt buộc***	**27**		
1.	MHH091	Thiết kế giảng dạy thí nghiệm hoá học cho giáo viên phổ thông	3	2	1
2.	MHH092	Những tiến bộ và xu hướng phát triển hóa học trong đời sống	3	3	0
3.	MGD	Phương pháp giảng dạy tích cực	3	3	0
4.	MHH093	Hoá hữu cơ nâng cao	3	3	0
5.	MHH094	Hoá lý nâng cao	3	3	0
6.	MHH095	Hoá phân tích nâng cao	3	2	1
7.	MHH096	Hoá vô cơ nâng cao	3	2	1
8.	MHH097	Thực hành hoá học ứng dụng	4	0	4
9.	MHH021	Thực hành hóa hữu cơ nâng cao	2	0	2
B.2		***Môn học tự chọn***	**22**		
1.	MHH098	Hoá hữu cơ ứng dụng	3	3	0
2.	MHH099	Hoá lý ứng dụng	3	2	1
3.	MHH100	Hoá phân tích ứng dụng	3	2	1
4.	MHH101	Hoá vô cơ ứng dụng	3	3	0
5.	MHH102	Hóa Polymer ứng dụng	3	3	0
6.	MHH012	Hoá dược đại cương	3	2	1
7.	MHH103	Các phương pháp sàng lọc để đánh giá hoạt tính sinh học trong nghiên cứu phát hiện thuốc	3	2	1
8.	MHH017	Tổng hợp hoá dược	4	3	1
9.	MHH105	Hóa sinh	3	3	0
10.	MHH070	Hoá vô cơ sinh học	3	2	1
11.	MHH068	Tổng hợp các chất vô cơ	3	2	1
12.	MHH034	Các phương pháp phân tích cấu trúc nâng cao	4	2.5	1.5
13.	MHH059	Các nguồn năng lượng tái sinh	4	3	1
14.	MHH063	Hoá học nano ứng dụng	3	2	1
15.	MHH052	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	3	2	1
16.	MHH104	Hóa học vật liệu xốp và ứng dụng	3	2	1

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH,TN,TL
17.	MHH106	Hóa học xúc tác	3	3	0
18.	MHH107	Nguồn điện hóa học	3	2	1
19.	MHH006	Phương pháp cô lập hợp chất hữu cơ	4	2	2
20.	MHH007	Sinh tổng hợp và hoạt tính sinh học của hợp chất thiên nhiên	4	3	1
21.	MHH009	Hợp chất đại phân tử	3	2	1
22.	MHH013	Hóa nông	3	2	1
23.	MHH016	Kiểm nghiệm và đảm bảo chất lượng thuốc	3	2	1
24.	MHH020	Hóa mỹ phẩm	3	2	1
25.	MHH080	Xúc tác đồng thể trong tổng hợp hữu cơ	3	2	1
C	MLV	**Đồ án tốt nghiệp**	**8**	**0**	**8**